

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÌN HỒ  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2024

Về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Phan Hồng Ngoãn.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Văn Pao.

Bà Nguyễn Thị Thu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phùng Trung Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ tham gia phiên tòa:*** ông Lò Trí Siêu- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST- HN&GD ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Tao Thị N, sinh ngày: 25/7/ 1996; Địa chỉ: bản Pa Khóa, xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; có mặt.

2. Bị đơn: anh Lò Văn Doan, sinh ngày: 25/4/1994; Địa chỉ: bản Pa Khóa, xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; vắng mặt, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tao Thị N, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Lò Văn D về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2013 tại UBND xã Pa Khóa, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu. Chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chị N và anh Lò Văn D chung sống hạnh phúc với nhau, đến đầu năm 2017 chị N phát hiện anh D có nghiện ma túy. Sau khi biết anh D nghiện ma túy, chị N đã động viên mong anh D từ cai nghiện ma túy để từ bỏ ma túy nhưng anh D không nghe, vẫn chững nào tạt ấy. Anh D còn chơi bời hay uống rượu, khi anh D uống rượu say anh D hay đánh đập chị. Chị N đã tìm rất nhiều cách để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ đó chị không tôn trọng và tin tưởng anh D nữa nên vợ chồng anh chị dẫn đến hay cãi vã nhau, cuộc sống của hai vợ chồng không hòa hợp được, không có hạnh phúc nhưng vì các con nên chị đành chịu đựng, chị N không thể cam chịu được tính cách của anh D nên chị chủ động ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Kể từ khi chị N và anh D ly thân cho đến nay, chị N và anh D không ai còn quan tâm, chăm sóc nhau và không điện thoại để liên lạc với nhau nữa. Đến nay chị N nhận thấy không còn tình cảm với anh Lò Văn D nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Tao Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn D.

Về con chung: chị N và anh D có 03 con chung: cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/8/2013; cháu Lò Văn Trung Ngh, sinh ngày 18/8/2015 và cháu Lò Văn Sơn Tùng, sinh ngày 28/3/2018. Hiện tại 03 cháu đang sinh sống cùng với chị N. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu 03 cháu Lò Thị H, Lò Văn Trung Ngh và cháu Lò Văn Sơn Tùng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh D là người nghiện ma túy, không có điều kiện về vật chất nên chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, khoản nợ chung vợ chồng: chị N và anh D không có tài sản chung, khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Lò Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lò Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng, không có lý do, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thu thập được nội dung ý kiến của anh Lò Văn D. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của bị đơn anh Lò Văn D và thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản Tố tụng của Tòa án bảo đảm đúng quy định tại Điều 175, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với bị đơn anh Lò Văn D.

Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2024, tại trụ sở UBND xã Pa Khóa, ông Vàng Văn Thường, chức vụ: trưởng Công an xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu cho biết: anh Lò Văn D , trú tại bản P Kh , xã Pa Khóa hiện nay anh Dđi đâu, làm gì xã không biết; về con chung anh Dvà chị N có 03 con chung: cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/8/2013; cháu Lò Văn Trung Ngh, sinh ngày 18/8/2015 và cháu Lò Văn Sơn T , sinh ngày 28/3/2018; về tài sản chung, nợ chung không có gì; về hôn nhân: anh Dvà chị N kết hôn vào ngày 03/10/2013 tại xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2017 thì anh Dnghị nghịen ma túy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sau đó vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và Ngh vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Lò Văn Dthường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định tại Điều 175, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn là chị Tao Thị N có mặt tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn anh Lò Văn Dvắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình: Ngày 03/10/2013, chị Tao Thị N và anh Lò Văn Dđăng ký kết hôn tại UBND xã P Kh , huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”*. Tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Dthì Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực pháp luật, do vậy áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Khoản 1 Điều 131 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tao Thị N, xử cho chị Tao Thị N được ly hôn với anh Lò Văn Doan. Quan hệ hôn nhân giữa chị Tao Thị N và anh Lò Văn Dchấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung và Ngh vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao 03 con chung là: cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/8/ 2013; cháu Lò Văn Trung Ngh, sinh ngày 18/8/2015 và cháu Lò Văn Sơn Tùng, sinh ngày 28/3/2018 cho chị Tao Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu 03 cháu Lò Thị H, cháu Lò Văn Trung Ngh và cháu Lò Văn Sơn T cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung; khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: chị Tao Thị N là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên trả lại cho nguyên đơn là chị Tao Thị N 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, mà chị Tao Thị N đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000592 ngày 05/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Tao Thị N xác định đây là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Tao Thị N nộp đơn khởi kiện, anh Lò Văn Dlà bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Pa Khóa, xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn

Hồ, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Tao Thị N và anh Lò Văn Đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn là anh Lò Văn Dẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Tao Thị N và anh Lò Văn Dkết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/10/2013 tại UBND xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, theo Trích lục kết hôn số 46 (thực hiện trích lục từ: Sổ đăng ký kết hôn) do Ủy ban nhân dân xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Tao Thị N và anh Lò Văn Dlà hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Tao Thị N và anh Lò Văn Dhoà thuận, hạnh phúc đến đến đầu năm 2017 chị N phát hiện anh Dcó nghiện ma túy và từ đó chị N và anh Dbắt đầu xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa chị Tao Thị N và anh Lò Văn Dkhông còn, chị N và anh Dkhông liên lạc và không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Tao Thị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Tao Thị N được ly hôn với anh Lò Văn Dtheo đúng quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Tao Thị N và anh Lò Văn Doan. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn Dkhông có thiện chí hợp tác, không có yêu cầu phản tố, không đưa ra được các chứng cứ, biện pháp gì để cải thiện đời sống chung của vợ chồng. Hiện nay chị N và anh DVẫn sống ly thân, không liên lạc và không quan tâm đến nhau nữa. Điều đó chứng tỏ chị N và anh Dchung sống với nhau mà không có hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa chị Tao Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Doan. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tao Thị N, cho chị Tao Thị N được ly hôn với anh Lò Văn Doan.

[3]. *Về con chung:* chị N và anh Dcó 03 con chung: cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/8/ 2013; cháu Lò Văn Trung Ngh, sinh ngày 18/8/ 2015 và cháu Lò

Văn Sơn Tùng, sinh ngày 28/3/2018. Hiện tại 03 cháu Lò Thị H; cháu Lò Văn Trung Ngh và cháu Lò Văn Sơn T đang sinh sống cùng với chị N. Từ khi vợ chồng chị N và anh Dmâu thuận và sống ly thân cho đến nay. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đều do chị N một mình đảm nhiệm. Đối với anh Lò Văn D , qua xác minh tại nơi cư trú cho biết: anh D thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, thỉnh thoảng về thăm con. Để đảm bảo việc phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần cũng như quyền lợi chính đáng cho các con chung. Sau khi chị N và anh D ly hôn, theo nguyện vọng của cháu muốn chung sống cùng mẹ và mong muốn của chị Tao Thị N là người được chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 03 con chung: cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/8/ 2013; cháu Lò Văn Trung Ngh, sinh ngày 18/8/ 2015 và cháu Lò Văn Sơn Tùng, sinh ngày 28/3/2018 cho đến khi cháu các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/8/ 2013; cháu Lò Văn Trung Ngh, sinh ngày 18/8/2015 và cháu Lò Văn Sơn Tùng, sinh ngày 28/3/2018 cho chị Tao Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cả 03 cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn D là người không trực tiếp nuôi con được quyền, Ngh vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Tao Thị N không yêu cầu anh Lò Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

[4]. Về tài sản chung; về khoản nợ chung: anh chị không có tài sản chung chung; khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Tao Thị N là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hội đồng xét xử tuyên miễn án phí Dân sự sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân và gia đình cho chị N theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn là chị Tao Thị N 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, mà chị N đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0000592 ngày 05/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Tao Thị N.

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa chị Tao Thị N và anh Lò Văn Doan, theo Sổ đăng ký kết hôn, số 46 ngày 03/10/2013 (thực hiện trích lục kết hôn, số 46/TLKH- BS, ngày 28/02/2024, từ: Sổ đăng ký kết hôn) do Ủy ban nhân dân xã P Kh , huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu cấp. Quan hệ hôn nhân giữa chị Tao Thị N và anh Lò Văn Doan, chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

*Về con chung và Ngh vụ cấp dưỡng nuôi con:* Giao cháu Lò Thị H, sinh ngày 20/8/ 2013; cháu Lò Văn Trung Ngh, sinh ngày 18/8/ 2015 và cháu Lò Văn Sơn Tùng, sinh ngày 28/3/2018 cho chị Tao Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cả 03 cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lò Văn D là người không trực tiếp nuôi con được quyền, Ngh vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Tao Thị N không yêu cầu anh Lò Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

*Về tài sản chung, khoản nợ chung:* Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: chị Tao Thị N được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn là chị Tao Thị N 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, mà chị N đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai ký hiệu: BLTU/23, số 0000592 ngày 05/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Tao Thị N, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lò Văn Dướng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã P Kh ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Ngoãn**



## **HỘI THÂM NHÂN DÂN**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sin Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã Noong Hẻo;
- Chi cục THADS huyện Sin Hồ;
- Lưu hồ sơ - TA.

## **HỘI THẨM NHÂN DÂN**

## **Tần A Sính Vàng A Mãng**

